

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **16836** /BTC-TCT

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2012

V/v sửa đổi thủ tục kê khai thuế  
đối với hàng vận tải nước ngoài.

Kính gửi: - Bộ Ngoại giao;  
- Bộ Công Thương;  
- Cục Hàng hải Việt Nam;  
- Hiệp hội Đại lý và môi giới hàng hải;  
- Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam;  
- Hiệp hội chủ tàu Việt Nam;  
- Cục Thuế các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Quảng Ninh.

Bộ Tài chính xin trân trọng cảm ơn Quý Bộ, Ngành và Hiệp hội trong thời gian qua đã tham gia ý kiến với Bộ Tài chính về việc diễn giải và áp dụng quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, làm cơ sở quy định thủ tục hành chính đối với việc thủ tục áp dụng Hiệp định đối với thu nhập từ vận tải biển quốc tế.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của quý Bộ, Ngành và Hiệp hội, Bộ Tài chính dự thảo công văn hướng dẫn các hãng vận tải nước ngoài khai thuế đối với thu nhập từ vận tải biển quốc tế (trong đó bao gồm các thủ tục thực hiện Hồ sơ Thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế) (Bản chụp đính kèm).

Bộ Tài chính xin gửi kèm theo đây các tài liệu có liên quan, đề nghị quý Bộ, Ngành và Hiệp hội cho ý kiến đối với dự thảo này. Trong quá trình cho ý kiến, nếu quý Bộ, Ngành và Hiệp hội cần biết thêm thông tin, đề nghị liên hệ với Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế), số điện thoại: 04. 39727 805.

Xin cảm ơn sự hợp tác của quý Bộ, ngành. / *N*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCT (VT, HTQT). 14

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



*Đỗ Hoàng Anh Tuấn*  
**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BTC-TCT  
V/v hướng dẫn kê khai thuế  
đối với hãng vận tải nước  
ngoài.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2012*

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Bộ Tài chính nhận được phản ánh của các hãng tàu về việc sửa đổi thủ tục kê khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài quy định tại Khoản 2.c, Điều 18, Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP, ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

Hiện nay, Bộ Tài chính đang tiến hành sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 28/2011/TT-BTC, trong đó Khoản 2.c, Điều 18 cũng sẽ được sửa đổi, bổ sung. Trong khi Thông tư sửa đổi Thông tư số 28/2011/TT-BTC chưa được ban hành, để giải quyết vướng mắc về thủ tục kê khai đối với hãng tàu nước ngoài, hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Khoản 2.c, Điều 18, Thông tư số 28/2011/TT-BTC như sau:

**1. Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài**

Tổ chức làm đại lý tàu biển hoặc đại lý giao nhận vận chuyển hàng hoá cho các hãng vận tải nước ngoài (sau đây gọi chung là đại lý của hãng vận tải nước ngoài) có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho các hãng vận tải nước ngoài.

Hồ sơ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài được nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên đại lý tàu biển hoặc đại lý giao nhận hàng hoá.

Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài là loại khai theo quý.

**1.1 Hồ sơ khai thuế:**

- Tờ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài theo mẫu số 01/VTNN ban hành kèm theo công văn này;

- Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp doanh nghiệp khai thác tàu theo mẫu số 01-1/VTNN, Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ theo mẫu số 01-2/VTNN, Bảng kê doanh thu lưu công-ten-nơ theo mẫu số 01-3/VTNN ban hành kèm theo công văn này.

**1.2 Hồ sơ Thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định:**

Trường hợp hãng vận tải nước ngoài thuộc diện **miễn thuế**, giảm thuế do áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và nước, vùng lãnh thổ khác thì thực hiện thêm các thủ tục sau:

Tại Tờ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài của kỳ tính thuế đầu tiên của năm, đại lý của hãng vận tải nước ngoài gửi cho cơ quan thuế hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định. Hồ sơ gồm:

- Thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo mẫu số 01/HTQT ban hành kèm theo công văn này;

- Bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú do cơ quan thuế của nước, vùng lãnh thổ nơi hãng tàu nước ngoài cư trú cấp cho năm tính thuế ngay trước năm thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định đã được hợp pháp hoá lãnh sự;

- Tài liệu chứng minh hãng vận tải nước ngoài khai thác tàu theo từng hình thức, cụ thể như sau:

- (i) Trường hợp hãng vận tải nước ngoài sở hữu tàu:

- + Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển;

- + Hợp đồng vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng đường biển; và

- + Chứng từ vận chuyển (một trong các chứng từ theo Điều 73 Bộ Luật hàng hải năm 2005).

- (ii) Trường hợp hãng vận tải nước ngoài thuê tàu trần, thuê tàu định hạn hoặc thuê tàu chuyển:

- + Hợp đồng thuê tàu;

- + Hợp đồng vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng đường biển; và

- + Chứng từ vận chuyển (một trong các chứng từ theo điều 73 Bộ Luật hàng hải năm 2005).

- (iii) Trường hợp hãng vận tải nước ngoài khai thác tàu dưới hình thức hoán đổi chỗ:

- + Hợp đồng nguyên tắc thực hiện hoán đổi chỗ (trong đó có tên tàu thực hiện hoán đổi chỗ);

- + Hợp đồng vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng đường biển; và

- + Chứng từ vận chuyển (một trong các chứng từ theo điều 73 Bộ Luật hàng hải năm 2005).

Các tài liệu chứng minh hãng vận tải nước ngoài khai thác tàu nêu trên là bản chụp có xác nhận của người nộp thuế. Các tài liệu này không phải nộp cùng với hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định mà được lưu tại trụ sở đại lý của hãng vận tải nước ngoài tại Việt Nam hoặc tại trụ sở của Văn phòng Đại diện của hãng vận tải nước ngoài tại Việt Nam và xuất trình cho cơ quan thuế khi được yêu cầu. Trường hợp hãng vận tải nước ngoài hoặc đại lý của hãng vận tải nước ngoài ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định phải nộp thêm giấy ủy quyền.

1.2.2. Trường hợp hãng vận tải nước ngoài hoặc đại lý của hãng vận tải nước ngoài không thể cung cấp đủ các thông tin hoặc các tài liệu theo yêu cầu của hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định, đề nghị giải trình cụ thể tại Thông báo này để cơ quan thuế xem xét, quyết định.

1.2.3. Kết thúc năm, hãng vận tải nước ngoài hoặc đại lý của hãng vận tải nước ngoài gửi cơ quan thuế Giấy chứng nhận cư trú đã được hợp pháp hoá lãnh sự của hãng tàu cho năm đó.

Trường hợp năm trước đó đã thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định, thì các năm tiếp theo hãng vận tải nước ngoài hoặc đại lý của hãng vận tải nước ngoài chỉ cần thông báo bất kỳ sự thay đổi nào về tình trạng kinh doanh như thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi về hình thức khai thác tàu (nếu có)...và cung cấp các tài liệu tương ứng với việc thay đổi.

1.2.4. Trường hợp các hãng vận tải nước ngoài có các đại lý tại nhiều địa phương ở Việt Nam, hoặc các đại lý của hãng vận tải nước ngoài có các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện (sau đây gọi chung là chi nhánh) tại nhiều địa phương ở Việt Nam, thì các hãng vận tải nước ngoài hoặc đại lý của hãng vận tải nước ngoài nộp bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú đã hợp pháp hoá lãnh sự và bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận đăng ký thuế (hoặc Giấy đăng ký kinh doanh) cho Cục Thuế địa phương nơi đại lý của hãng vận tải nước ngoài có trụ sở chính; gửi bản chụp Giấy chứng nhận cư trú đã hợp pháp hoá lãnh sự và Giấy chứng nhận đăng ký thuế (hoặc Giấy đăng ký kinh doanh) có xác nhận của đại lý chính của hãng tàu nước ngoài có trụ sở chính tại các Cục Thuế địa phương nơi hãng vận tải nước ngoài có chi nhánh và ghi rõ nơi đã nộp bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) trong Thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định.

2. Thủ tục khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài nêu trên áp dụng đối với thu nhập từ vận tải biển quốc tế phát sinh kể từ ngày 01/01/2013.

Bộ Tài chính thông báo để Cục Thuế biết và hướng dẫn các đơn vị thực hiện. Yêu cầu Cục Thuế thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và hướng dẫn tại công văn này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Bộ Ngoại giao; Bộ Công thương, Cục Hàng hải VN, Hiệp hội đại lý và môi giới hàng hải, TT trọng tải quốc tế VN bên cạnh phòng TMCN VN; Hiệp hội chủ tàu VN;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Lãnh đạo Bộ TC;
- Các Vụ: PC, CST, HTQT, Cục TCDN;
- Lưu: VT, TCT (VT, PC, CS, KK, HTQT (2b)).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG VẬN TẢI NƯỚC NGOÀI**

[01] Kỳ tính thuế: quý ..... năm .....  
[02] Lần đầu [ ] [03] Bổ sung lần thứ [ ]

Mẫu số: 01/VTNN  
(Ban hành kèm theo công văn  
số ..... ngày ..... của Bộ Tài  
chính)

[04] Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay: .....  
[05] Mã số thuế của bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: .....  
[06] Địa chỉ: ..... [07] Quận/huyện: ..... [08] Tỉnh/thành phố: .....  
[09] Điện thoại: ..... [10] Fax: ..... [11] E-mail: .....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): .....  
[13] Mã số thuế: .....  
[14] Địa chỉ: ..... [15] Quận/huyện: ..... [16] Tỉnh/thành phố: .....  
[17] Điện thoại: ..... [18] Fax: ..... [19] E-mail: .....  
[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số ..... ngày .....

*Đơn vị liên: Đồng Việt Nam*

| Tên hãng vận tải nước ngoài | Tên/ họ hiệu phương tiện vận tải | Ngày/tháng/năm |     | Cảng đi | Cảng đến | Thuế GTGT           |                        |                     |                    | Thuế TNDN           |                 |                                        |                    | Tổng số thuế phải nộp vào NSNN |
|-----------------------------|----------------------------------|----------------|-----|---------|----------|---------------------|------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|-----------------|----------------------------------------|--------------------|--------------------------------|
|                             |                                  | Đến            | Đi  |         |          | Doanh thu tính thuế | Tỷ lệ giá trị gia tăng | Thuế suất thuế GTGT | Thuế GTGT phải nộp | Doanh thu tính thuế | Tỷ lệ thuế TNDN | Số thuế được miễn, giảm theo Hiệp định | Thuế TNDN phải nộp |                                |
| (1)                         | (2)                              | (3)            | (4) | (5)     | (6)      | (7)                 | (8)                    | (9)                 | (10=7x8x9)         | (11)                | (12)            | (13)                                   | (14=11x12-13)      | (15=10+14)                     |
|                             |                                  |                |     |         |          |                     |                        |                     |                    |                     |                 |                                        |                    |                                |

(16) Tổng số thuế đã nộp kỳ này: .....  
(17) Số nộp thừa/thiếu kỳ trước: .....  
    (17.1) Số nộp thừa tháng trước: .....  
    (17.2) Số nộp thiếu tháng trước: .....  
(18) Số thuế còn phải nộp kỳ này [(18)=(15)-(16)-(17)]: .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

*Ngày ..... tháng ..... năm .....*

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  
Họ và tên: .....  
Chứng chỉ hành nghề số: .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ**  
 (Dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ, kèm theo Tờ khai ngày.....)  
 Kỳ tính thuế: Từ ..... đến .....

Mẫu số: 01-2/VTNN  
 (Ban hành kèm theo công văn  
 số ..... ngày ..... của Bộ  
 Tài chính)

Tên hãng vận tải nước ngoài:..... Nước cư trú:.....  
 Tên/hồ hiệu phương tiện vận tải:.....  
 Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....  
 Mã số thuế:

Tên đại lý thuế (nếu có):.....  
 Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| Chứng<br>từ vận<br>chuyển | Hoá đơn |      | Cảng<br>đi | Cảng<br>đến | Khách hàng<br>(tên, địa chỉ,<br>mã số thuế) | Số chỗ hoán<br>đổi/chia<br>(theo thoả<br>thuận hoán<br>đổi/chia chỗ) | Số chỗ hoán<br>đổi thực tế | Doanh<br>thu<br>quy<br>đổi | Số thuế<br>TNDN<br>phải nộp | Số thuế<br>TNDN miễn,<br>giảm theo<br>Hiệp định |
|---------------------------|---------|------|------------|-------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------|
|                           | Số      | Ngày |            |             |                                             |                                                                      |                            |                            |                             |                                                 |
| (1)                       | (2a)    | (2b) | (3)        | (4)         | (5)                                         | (6)                                                                  | (7)                        | (8)                        | (9)                         | (10)                                            |
|                           |         |      |            |             |                                             |                                                                      |                            |                            |                             |                                                 |
| Tổng cộng                 |         |      |            |             |                                             |                                                                      |                            |                            |                             |                                                 |

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  
 Họ và tên:.....  
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày .....tháng .....năm .....  
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  
 Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

**Ghi chú:**

- Cột (1) đến (5) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng
- Cột (6) ghi số TEU hoặc số chỗ được sử dụng miễn phí quy định trong thoả thuận hoán đổi/chia chỗ
- Cột (7) ghi số TEU hoặc số chỗ đã thực tế sử dụng trên tàu của hãng đối tác
- Cột (8) ghi doanh thu quy đổi đã là số tiền thu được từ khách hàng đối với số chỗ đã sử dụng thực tế không vượt quá hạn mức được sử dụng

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG KÊ DOANH THU LƯU CÔNG-TEN-NƠ**  
*(Kèm theo Tờ khai ngày.....)*  
 Kỳ tính thuế: Từ ..... đến .....

Mẫu số: 01-3/VTNN  
 (Ban hành kèm theo công văn số  
 ..... ngày ..... của Bộ Tài chính)

Tên hãng vận tải nước ngoài:..... Nước cư trú:.....

Tên/hồ hiệu phương tiện vận tải:.....

Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay: .....

Mã số thuế: 

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế: 

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|

*Đơn vị tiền : Đồng Việt Nam*

| Chứng<br>từ vận<br>chuyên | Hoá đơn |      | Cảng<br>đến | Thông tin khách hàng<br>(tên, địa chỉ hoặc mã số thuế) | Doanh thu lưu<br>công- ten-nơ (không<br>bao gồm thuế GTGT) | Số thuế TNDN<br>phải nộp | Số thuế TNDN<br>miễn, giảm theo<br>Hiệp định |
|---------------------------|---------|------|-------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------|
|                           | Số      | Ngày |             |                                                        |                                                            |                          |                                              |
| (1)                       | (2a)    | (2b) | (3)         | (4)                                                    | (5)                                                        | (6)                      | (7)                                          |
|                           |         |      |             |                                                        |                                                            |                          |                                              |
|                           |         |      |             |                                                        |                                                            |                          |                                              |
|                           |         |      |             |                                                        |                                                            |                          |                                              |
|                           |         |      |             |                                                        |                                                            |                          |                                              |
|                           |         |      |             |                                                        |                                                            |                          |                                              |
| Tổng cộng                 |         |      |             |                                                        |                                                            |                          |                                              |

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày .....tháng .....năm .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Mẫu số: 01-1/VTNN  
(Ban hành kèm theo công văn  
số..... ngày ..... của Bộ Tài  
chính)

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ**  
(Dành cho trường hợp doanh nghiệp khai thác tàu, kèm theo Tờ khai ngày.....)  
Kỳ tính thuế: Từ ..... đến .....

Tên hãng vận tải nước ngoài:..... Nước cư trú:.....  
Tên/hồ hiệu phương tiện vận tải:.....  
Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay: .....

Mã số thuế:

Tên đại lý thuế (nếu có):.....  
Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| Chứng từ vận chuyển | Hoá đơn |      | Cảng đi | Cảng đến | Thông tin khách hàng (tên, địa chỉ, mã số thuế) | Tổng doanh thu vận chuyển thực tế | Số thuế phải nộp | Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định |
|---------------------|---------|------|---------|----------|-------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------|----------------------------------------|
|                     | Số      | Ngày |         |          |                                                 |                                   |                  |                                        |
| (1)                 | (2a)    | (2b) | (3)     | (4)      | (5)                                             | (6)                               | (7)              | (8)                                    |
|                     |         |      |         |          |                                                 |                                   |                  |                                        |
|                     |         |      |         |          |                                                 |                                   |                  |                                        |
|                     |         |      |         |          |                                                 |                                   |                  |                                        |
| Tổng cộng           |         |      |         |          |                                                 |                                   |                  |                                        |

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  
Họ và tên:.....  
Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày ..... tháng ..... năm .....  
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

**Ghi chú:**

- Cột (1) đến (5) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng
- Cột (6) ghi doanh thu tính thuế của người trực tiếp điều hành phương tiện vận tải không bao gồm tiền thuế đã trả cho doanh nghiệp khác tham gia vận tải từ cảng Việt Nam đến cảng trung gian